

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH NĂM 2026

(Cập nhật tháng 3/2026)

Dự kiến năm học 2026, trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ tuyển sinh theo 05 phương thức.

- **Phương thức 1:** Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 theo tổ hợp môn.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:

•

- Xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn học trong tổ hợp môn.
- Xét kết hợp: tổng ĐTB chung kết quả học tập cả năm các môn học cả năm lớp 10, 11, 12 theo tổ hợp môn kết hợp Điểm thi tốt nghiệp THPT/ Điểm thi Đánh giá năng lực (ĐGNL).
- Điểm xét Tốt nghiệp (trên Giấy chứng nhận Tốt nghiệp) từ **6.0 trở lên**.

- **Phương thức 3:** Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM, Đại học Quốc gia Hà Nội, V-SAT, Đại học Sư phạm TP HCM (hoặc kết hợp Điểm thi tốt nghiệp THPT).

- **Phương thức 4:** Xét tuyển tổng hợp Điểm học lực dựa trên 3 tiêu chí: Điểm thi tốt nghiệp THPT, Điểm học bạ THPT, Điểm thi ĐGNL quy đổi theo công thức:

Điểm học lực = Điểm thi tốt nghiệp THPT × 50% + Điểm học bạ THPT × 40% + Điểm thi ĐGNL × 10%

- **Phương thức 5:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI NGÀNH CÔNG NGHỆ					KHỐI NGÀNH KINH TẾ				
STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Công nghệ sinh học	7420201	3.5	A00, B00, B03, B08, C02, C08, D07, D08, X14, X15	1	Quản trị kinh doanh - Kinh doanh Tổng hợp - Kinh doanh Thương mại	7340101	3.5	C01, C02, C03, C04, D01, C14
2	Khoa học y sinh	7420204	3.5	A00, A01, A02, B00, B03, C02, C08, D01, D07, D08, X14, X15	2	Quản trị kinh doanh (Chuẩn quốc tế) - Kinh doanh Quốc tế - Quản trị doanh nghiệp và công nghệ	7340101_QT 7340101_DNCN	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
3	Kỹ thuật phần mềm - Công nghệ kỹ thuật phần mềm - Thực tế ảo và lập trình games	7480103	3	A00, A01, D01, D07	3	Quản trị nhân lực	7340404	3.5	C01, C04, D01, X01
4	Công nghệ thông tin - Kỹ thuật hệ thống thông tin - Hệ thống thông tin	7480201	3	A00, A01, D01, D07	4	Marketing	7340115	3	A00, A01, C01, C04, C14, D01, D07
5	Công nghệ thông tin (Chuẩn quốc tế) - Kỹ thuật phần mềm - Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201_QT 7480201_CNST	4	A00, A01, C01, C03, D01	5	Marketing (Chuẩn quốc tế) Marketing số và truyền thông xã hội	7340115_DM	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
6	Khoa học máy tính - Khoa học dữ liệu - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480101	3	A00, A01, D01, D07	6	Kinh doanh quốc tế	7340120	3.5	C01, C04, D01, C14
7	Trí tuệ nhân tạo - Công nghệ trí tuệ nhân tạo - Thị giác máy tính	7480107	3	A00, A01, D01, D07	7	Thương mại điện tử	7340122	3.5	C01, C04, D01, D07, A00, A01, X01, X06, X25
8	Khoa học vật liệu	7440122	3.5	A00, A01, D07, B00	8	Thương mại điện tử (Chuẩn quốc tế)	7340122_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Kỹ thuật điện, điện tử - Tự động hóa - Công nghệ vi mạch bán dẫn	7510301	4	Khối A: A00, A01, A02, A03, A04, A10, A0C Khối B: B0C Khối C: C01 Khối D: D26, D27, D28, D29, D30, D0C	9	Tài chính - Ngân hàng - Tài chính - Ngân hàng - Công nghệ tài chính	7340201	3	A00, A01, D01, D07
10	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Cơ điện tử - Robot và trí tuệ nhân tạo	7510203	4	Khối A: A00, A01, A02, A03, A04, A10, A0C Khối B: B0C Khối C: C01 Khối D: D26, D27, D28, D29, D30, D0C	10	Kế toán	7340301	3	A00, A01, D01, D07
11	Kỹ thuật cơ khí - Công nghệ chế tạo máy số - Cơ khí tự động	7520103	4	Khối A: A00, A01, A02, A03, A04, A10, A0C Khối B: B0C Khối C: C01 Khối D: D26, D27, D28, D29, D30, D0C	11	Kế toán (Chuẩn quốc tế) Kế toán tài chính	7340301_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ ô tô điện	7510205	4	Khối A: A00, A01, A02, A03, A04, A10, A0C Khối B: B0C Khối C: C01 Khối D: D26, D27, D28, D29, D30, D0C	12	Luật - Luật hành chính - Luật dân sự - Luật hình sự	7380101	3.5	A00, A01, C00, D01
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô (Chuẩn quốc tế)	7510205_QT	4	A00, A01, C03, D01	13	Luật kinh tế	7380107	4	A00, A01, C00, D01
14	Công nghệ thực phẩm	7540101	3.5	A00, A01, B00, C02, D01, D07	14	Luật kinh tế (Chuẩn quốc tế)	7380107_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
15	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	3.5	A00, B00, C02, D07	15	Kinh tế số	7310109	3.5	C01, C02, C03, C04, D01, C14
16	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	3.5	C01, C04, D01, X01	KHỐI NGÀNH NGHỆ THUẬT – MỸ THUẬT				
17	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Chuẩn quốc tế)	7510605_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01	1	Thanh nhạc	7210205	3	N01
18	Công nghệ Logistics	7510605_CN	4	Khối A: A00, A01, A02, A03, A04, A10, A0C Khối B: B0C Khối C: C01 Khối D: D26, D27, D28, D29, D30, D0C	2	Piano	7210208	3	N00
19	Kỹ thuật y sinh	7520212	4	A00, A01, A02, A03, A04, B00, C01, X05, X06, X07, X08	3	Thiết kế đồ họa	7210403	4	D01, V01, H01, C04
20	Vật lý khoa	7520403	4	A00, A01, A02, A03, A04, B00, C01, X05, X06, X07, X08	4	Thiết kế thời trang	7210404	3.5	C00, D14, H00, H06
21	Kiến trúc	7580101	4.5	D01, V01, H01, C04	5	Biên đạo múa Sáng tác - Giảng dạy múa Sáng tác - Diễn viên Múa	7210243	3	CN2, N03
22	Thiết kế nội thất	7580108	4	D01, V01, H01, C04	KHỐI NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC				
23	Kỹ thuật xây dựng	7580201	4	A00, A01, D01, X02	1	Công nghệ giáo dục	7140103	3	A00, A01, D01
24	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	3.5	A00, B00, D01, C02					
25	Hóa dược	7720203	3.5	A00, A01, B00, D07					

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE					KHỐI NGÀNH XÃ HỘI – NHÂN VĂN				
STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	STT	NGÀNH	MÃ NGÀNH/CN	THỜI GIAN	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	Y khoa	7720101	6	B00, D07, D08	1	Ngôn ngữ Anh - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh - Biên phiên dịch - Tiếng anh thương mại	7220201	3.5	C00, D01, D14, D15
2	Y học dự phòng	7720110	6	B00, D07, D08	2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	3.5	C00, D01, D04, D14, D15
3	Răng - Hàm - Mặt	7720501	6	A00, B00, D07, D08	3	Đông phương học - Hán Quốc học - Nhật Bản học	7310608	3.5	C00, D01, D14, D15
4	Dược học - Quản lý và cung ứng thuốc - Sản xuất và phát triển thuốc - Dược lâm sàng	7720201	5	A00, A01, B00, D07	4	Tâm lý học - Tham vấn - Trị liệu - Tham vấn - Quản trị nhân sự	7310401	3	B00, C00, D01, D14
5	Điều dưỡng - Điều dưỡng - Gây mê hồi sức - Răng hàm mặt	7720301	4	A00, A01, B00, D07	5	Truyền thông đa phương tiện - Kỹ thuật truyền thông đa phương tiện - Truyền thông doanh nghiệp - Sáng tạo nội dung truyền thông số	7320104	3.5	A01, C00, D01, D15
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	4	A00, B00, D07, D08	6	Quan hệ công chúng	7320108	3	A01, C00, D01, D14
7	Quản lý bệnh viện - Quản trị bệnh viện - Thư ký y khoa	7720802	3	B00, C00, C04, D01	7	Du lịch - Quản lý du lịch - Hướng dẫn du lịch	7810101	3	A07, C00, C03, C04, D01, D14, D15
8	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7720603	4	A00, A01, B00, D07	8	Quản trị khách sạn	7810201	3	A07, C00, C03, C04, D01, D14, D15
9	Y học cổ truyền	7720115	6	A00, B00, B08, D07	9	Quản trị khách sạn (Chuẩn quốc tế)	7810201_QT	3.5	A00, C00, C01, C03, D01
10	Thú Y - Bệnh học động vật - Dược thú y - Thú y thủy sản - Thú cưng	7640101	4.5	A00, B00, D07, D08, X14	10	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị sự kiện	7810202	3	A07, C00, C03, C04, D01, D14, D15



CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN - KỸ SƯ CHUẨN QUỐC TẾ

9 NGÀNH ĐÀO TẠO 11 CHƯƠNG TRÌNH

1. QUẢN TRỊ KINH DOANH	• Kinh doanh quốc tế • Quản trị doanh nghiệp và công nghệ	7340101_QT 7340101_DNCN	A00 C00 C01 C03 D01
2. MARKETING	• Marketing số và truyền thông xã hội	7340115_DM	
3. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ		7340122_QT	
4. LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG		7510605_QT	
5. KẾ TOÁN	• Kế toán tài chính	7340301_QT	
6. LUẬT KINH TẾ		7380107_QT	
7. QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN		7810201_QT	
8. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	• Kỹ thuật phần mềm • Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201_QT 7480201_CNST	
9. CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ		7510205_QT	



TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP
HUONGNGHIEP.NIIE.EDU.VN



ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
XETTUYEN.NIIE.EDU.VN

ƯU ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN QUỐC TẾ

Chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng thực hành và kỹ năng ứng dụng.

2. GIẢNG DẠY SONG NGỮ (ANH – VIỆT)

Sinh viên học song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, tỷ lệ tiếng Anh tăng dần theo từng năm giúp nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức và hội nhập.

3. CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH TÍCH HỢP

Lồng ghép tiếng Anh trong toàn bộ quá trình học, giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra B2 (tương đương IELTS 5.5–6.0).

4. LỘ TRÌNH S.T.A.R BỐN BƯỚC

Phát triển toàn diện cả về chuyên môn, tiếng Anh và kỹ năng mềm – 3 yếu tố then chốt để thành công

5. ĐÀO TẠO GẮN KẾT THỰC TIỄN

Kết hợp học tập và thực hành qua các đồ án, dự án nghiên cứu, đề án khởi nghiệp, đảm bảo sinh viên sẵn sàng làm việc sau tốt nghiệp.

6. CƠ HỘI CHUYỂN TIẾP DU HỌC

Sinh viên có cơ hội học chuyển tiếp và nhận bằng từ các đại học uy tín tại Úc (La Trobe), Thái Lan (AIT), Đài Loan (MCU, CCU),...



HỌC PHÍ ỔN ĐỊNH, KHÔNG TĂNG TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH HỌC
100% TÂN SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG ĐẦU VÀO

VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ NTT (NIIE)

458/3F NGUYỄN HỮU THỌ, PHƯỜNG TÂN HƯNG, TP. HỒ CHÍ MINH

HOTLINE: 0934.116.244 - 0938.116.244 - 0838.116.244

NIIE.EDU.VN

NIIE@NTT.EDU.VN

2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

NGÀNH	PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN	
	Xét tuyển kết quả thi TN THPT 2026 (theo quy định ngưỡng ĐBCL của Bộ GD&ĐT ví dụ điểm sàn xét tuyển năm 2025)	Các phương thức khác (Lưu ý: Tổng điểm 03 môn thi TN có thể là 03 môn thi theo THM hoặc 02 môn Toán + Văn + 01 môn thi TN khác)
Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Y học cổ truyền, Dược học	Y khoa, Răng - Hàm - Mặt: 20,5 Y học cổ truyền, Dược học: 19	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 đạt loại Tốt và tổng điểm 03 môn thi TN ≥ 20 điểm. - Hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT ≥ 8.5
Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng	17	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 đạt loại Khá và tổng điểm 03 môn thi TN ≥ 16.5 điểm. - Hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT ≥ 6.5
Luật, Luật kinh tế	17	- Kết quả học tập cả năm lớp 12 đạt loại Tốt và tổng điểm 03 môn thi TN ≥ 18 điểm. - Hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT ≥ 8.5
Các ngành còn lại	Đối với thí sinh TN từ năm 2026 tổng điểm 03 môn thi TN ≥ 15 điểm	

- Đối với các ngành xét tuyển có tổ hợp môn năng khiếu, Nhà trường xét kết hợp điểm các môn cơ bản (Từ điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc từ điểm học bạ THPT) với điểm thi các môn năng khiếu do Trường ĐH Nguyễn Tất Thành tổ chức hoặc từ các Trường Đại học khác.

- Chương trình đào tạo các ngành Kiến trúc, Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành với định hướng thực hành (đi sát với nhu cầu và sự phát triển của văn hóa xã hội), sự thụ cảm cái đẹp, hiểu biết về lịch sử, tư duy logic là chìa khóa quan trọng thúc đẩy cảm xúc, tư duy tạo hình, cảm thụ màu sắc, sự quan sát tinh tế (các tố chất cần có của một người thiết kế) nên ngoài các tổ hợp có môn kỹ năng vẽ tay, các thí sinh có thể lựa chọn các tiêu chí xét tuyển theo điểm học bạ để tham gia xét tuyển.

> **Thông tin các đợt thi năng khiếu:**

. **Hình thức thi:** Thi tập trung hoặc Nộp bài dự thi kết hợp phỏng vấn trực tuyến

. **Thời gian dự kiến:**

> Đợt 1: từ ngày ra thông báo - 04/2026

> Đợt 2: 05/2026 - 06/2026

> Đợt 3: 07/2026

. **Hình thức đăng ký:** trực tuyến theo thông báo tại Website: tuyensinh.ntt.edu.vn

. **Lệ phí:** 100.000đ/môn thi.

- Trước mỗi đợt thi tập trung, trường tổ chức ôn thi miễn phí cho các thí sinh.

3. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo

> **Phương thức 1:** xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp môn.

- **Thời gian xét tuyển:** Từ 02-07-2026 đến 17h00 ngày 14-07-2026.
- **Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:** Thí sinh Đăng ký nguyện vọng tại trường và nộp phí dự tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Tiêu chí và điều kiện xét:**
 - Xét điểm cộng các môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với những thí sinh thi tuyển kỳ thi THPT năm 2026 hoặc kết hợp giữa điểm thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập THPT được ghi trong học bạ.
 - Các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và các ngành xét tuyển có tổ hợp môn năng khiếu áp dụng tại mục 2.
 - *Nguyên tắc xét tuyển:* xét từ cao xuống thấp tất cả các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT công bố và căn cứ vào số lượng hồ sơ học sinh nộp (ưu tiên xét thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1 xong mới xét tiếp đợt bổ sung).
 - Thí sinh chọn 01 trong 04 tổ hợp môn theo ngành để xét theo bảng trên.

> **Phương thức 2:** xét tuyển kết quả học bạ

- **Thời gian xét tuyển dự kiến:** Từ ngày thông báo - 01/02/2026.
- **Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:** Trong thời hạn quy định của mỗi đợt, thí sinh đăng ký xét tuyển online tại website: tuyensinh.ntt.edu.vn => **Đăng ký xét tuyển** => **Đăng ký xét tuyển Đại Học Chính Quy** hoặc qua bưu điện bằng chuyển phát nhanh/chuyển phát ưu tiên hoặc có thể nộp trực tiếp tại Trung tâm Tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Lệ phí xét tuyển 30,000đ/hồ sơ.
- **Hồ sơ gồm:**
 - Phiếu đăng ký xét tuyển (nếu đăng ký trực tiếp) ;
 - Học bạ THPT (bản sao);
 - Bảng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy Chứng nhận TN tạm thời (bản sao);
 - Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- **Tiêu chí và điều kiện xét:** Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
 - Xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn học trong tổ hợp môn; Hoặc của 02 môn học (bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.*
 - Xét kết hợp: tổng ĐTB chung kết quả học tập cả năm các môn học cả năm lớp 10,11, 12 theo tổ hợp môn kết hợp Điểm thi tốt nghiệp THPT/ Điểm thi Đánh giá năng lực (ĐGNL).*
 - Điểm xét Tốt nghiệp (trên Giấy chứng nhận Tốt nghiệp) từ 6.0 trở lên.*

- **Cách tính điểm ưu tiên theo thang điểm 30:**

$$\text{Điểm XT} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3} + \text{Điểm UT (nếu có)})$$
 Trong đó:
 ĐTB 1, ĐTB 2, ĐTB 3: ĐTB các môn xét theo tiêu chí.
Điểm UT: theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

> **Phương thức 3:** xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM, Đại học Quốc gia Hà Nội, V-SAT, Đại học Sư phạm TPHCM (hoặc kết hợp Điểm thi tốt nghiệp THPT).

- **Thời gian xét tuyển: Dự kiến: 01/04/2026-09/04/2026**
- **Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:** Trong thời hạn quy định của mỗi đợt, thí sinh đăng ký xét tuyển online tại website: tuyensinh.ntt.edu.vn => **Đăng ký xét tuyển => Đăng ký xét tuyển Đại Học Chính Quy** hoặc qua bưu điện bằng chuyển phát nhanh/chuyển phát ưu tiên hoặc có thể nộp trực tiếp tại **Trung tâm Tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**.
- **Lệ phí xét tuyển 30,000đ/hồ sơ.**
- **Hồ sơ gồm:**
 - Phiếu đăng ký xét tuyển;
 - Bản chính phiếu kết quả thi đánh giá năng lực năm 2026 của ĐHQG-HCM/ĐHQG-HN;
 - Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy CNTN tạm thời (bản sao);
 - Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- **Tiêu chí và điều kiện xét:**
 - Điểm bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM đạt từ **550** điểm /ĐHQG-HN đạt từ **70** điểm trở lên và đạt mức điểm chuẩn đầu vào theo từng ngành do trường ĐH Nguyễn Tất Thành xác định sau khi có kết quả.
 - Các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và các ngành xét tuyển có tổ hợp môn năng khiếu áp dụng tại mục 2.

> **Phương thức 4:** xét tuyển tổng hợp **Điểm học lực dựa trên 3 tiêu chí:** Điểm thi tốt nghiệp THPT, Điểm học bạ THPT, Điểm thi ĐGNL quy đổi theo công thức:

Điểm học lực = Điểm thi tốt nghiệp THPT × 50% + Điểm học bạ THPT × 40% + Điểm thi ĐGNL năng lực × 10%

> **Phương thức 5:** xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

- **Điều kiện được xét tuyển thẳng:**
 - Theo quy định tuyển sinh của **BGDĐT**.
 - Tổng điểm **3 môn thi tốt nghiệp THPT** năm 2026 ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành

đăng ký đạt 21 điểm trở lên đã cộng điểm ưu tiên.
 - Tổng điểm **trung bình cuối năm của 3 môn học bạ lớp 12** ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký đạt 21 điểm trở lên đã cộng điểm ưu tiên.
 - Ngành Ngôn ngữ Anh: có chứng chỉ **IELTS từ 6.0/9.0** hoặc **TOEIC (L&R) 700/990** hoặc **TOEIC (Bridge) 85/100** hoặc **TOEFL iBT từ 70/120** hoặc **TOEFL ITP từ 500/677** hoặc **Cambridge từ 165/230**.
 - Đã tốt nghiệp đại học.

- **Lưu ý:** Các ngành thuộc khối khoa học sức khỏe cần áp dụng theo mục 2.
- **Điều kiện được xét ưu tiên:**
 - Thí sinh có chứng chỉ **IELTS từ 4.5/9.0** hoặc **TOEIC (L&R) 550/990** hoặc **TOEIC (Bridge) 76/100** hoặc **TOEFL iBT từ 30/120** hoặc **TOEFL ITP từ 450/677** hoặc **Cambridge từ 140/230** được ưu tiên xét tuyển vào các ngành có môn Tiếng Anh với mức điểm thay thế tương đương **điểm 8** theo thang điểm 10.

ST T	KNL NNV N	CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL		Cambridge English	Điểm cộng	Quy đổi điểm môn Tiếng Anh theo thang 10
					iBT	ITP			
1	Bậc 6	C2	8.0 – 9.0	905 – 990	110 – 120		200-230	1.5	10
2	Bậc 5	C1	7.0 – 7.5	845 – 900	94 – 109	627 – 677	180-199	1.25	9.5
3	Bậc 4	B2	5.5 – 6.5	600 – 840	46 – 93	500 – 626	160-179	1	8.5
4	Bậc 3	B1	5.0	525 – 595	40 – 45	475 – 499	150-159	0.5	8
5	Bậc 3	B1	4.5	450 – 520	30 – 39	450 – 474	140-149	0.25	7

Bảng 2: Mức điểm cộng/quy đổi với thí sinh học THPT tại nước ngoài và có chứng chỉ tiếng Anh theo Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam

- Thí sinh có kết quả kỳ thi SAT hoặc ACT đạt từ **60%** trở lên (**950/1600** với SAT hoặc **25/36** với ACT) được ưu tiên xét tuyển vào các ngành có môn Toán, Tiếng Anh với mức điểm thay thế tương đương **điểm 8** theo thang điểm 10.

